TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/DSST
Ngày: 26/03/2024
V/v tranh chấp: "*Hợp đồng mua bán tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Ngô Văn Bi
2. Ông Dương Vương Đạo

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Phú Đông;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 03 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 167/2023/TLST-DS, ngày 21 tháng 12 năm 2023, về việc tranh chấp: *"Hợp đồng mua bán tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐXXST- DS, ngày 07 tháng 03 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1958.
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.
Đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Kim P, sinh năm 1987.
Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn V, huyện T, tỉnh Tiền Giang.
- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1964.
Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1981.
Địa chỉ thường trú: Ấp 3, xã Q, huyện T, tỉnh Long An.
Địa chỉ tạm trú: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Bà P có mặt; ông H và anh T xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Trần Thị Kim P trình bày:*

Ông L là chủ cửa hàng bán thức ăn thủy sản "Năm Long". Từ năm 2016 ông H có mua thức ăn nuôi tôm của ông L. Khi thỏa thuận mua bán, hai bên thống nhất cách thanh toán là trả tiền khi nhận hàng hoặc có thể thiếu lại đến cuối mỗi vụ tôm sẽ trả xong nợ (mỗi vụ tôm từ 3 tháng đến 4 tháng). Từ ngày 01/02/2022 đến ngày 05/7/2023, ông H mua thức ăn tôm nhiều lần và có trả tiền nhưng chưa trả xong. Đến ngày 05/7/2023, ông L tổng kết lại nợ, ông H còn nợ ông L 184.746.000 đồng. Sau ngày 05/7/2023, ông H có trả lại ông L 19 bao thức ăn hiệu MB03 trị giá là 15.542.000 đồng. Sau khi trừ giá trị 19 bao thức ăn thì ông H còn nợ ông L số tiền 169.204.000 đồng. Từ đó ông L ngưng bán thức ăn tôm cho ông H vì ông H không trả tiền mua thức ăn của vụ trước. Nay ông L yêu cầu ông H trả số tiền mua thức ăn còn nợ là 169.204.000 đồng và tiền lãi do chậm trả nợ với lãi suất 0,83%/tháng. Thời gian trả tiền lãi từ ngày 05/7/2023 đến ngày 05/3/2024 là 08 tháng, thành tiền lãi là 11.235.145 đồng, yêu cầu ông H trả tiền nợ, tiền lãi 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:*

Ông H có mua thức ăn nuôi tôm của ông L, do ông T trực tiếp giao. Khi nhận hàng, ông H có ký nhận hàng vào sổ giao hàng do ông T đưa. Khi ông H trả tiền, ông T trực tiếp nhận và có ghi chung vào sổ giao hàng. Ông H thống nhất số lượng thức ăn đã mua và số tiền còn nợ đến nay là 169.204.000 đồng, như nội dung sổ giao hàng ông L nộp cho Tòa án. Do ông L ngưng bán thức ăn khi vụ nuôi tôm chưa kết thúc. Ông H không thể mua thức ăn nơi khác để tiếp tục nuôi tôm nên phải bán tôm khi còn nhỏ. Do bán tôm còn nhỏ nên thua lỗ nên không trả tiền mua thức ăn còn nợ và tiền lãi theo yêu cầu của ông L.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh T trình bày:*

Ông T là người làm thuê cho ông L. Thức ăn nuôi tôm ông T giao cho ông H là của ông L. Khi giao thức ăn, ông T có đưa sổ giao hàng cho ông H ký nhận. Khi ông H trả tiền, ông T ghi số tiền ông H trả chung vào sổ giao hàng. Sau đó, ông T giao tiền lại tiền cho ông L. Theo sổ giao nhận hàng, ông H còn nợ tiền mua thức ăn tôm là 169.204.000 đồng. Ông T không có ý kiến về việc ông L kiện ông H.

** Kiểm sát viên phát biểu*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo các văn bản tố tụng, cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung giải quyết: Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326//2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn. Buộc ông H trả cho nguyên đơn số tiền nợ là 169.204.000 đồng và lãi suất chậm trả 0,83%/tháng từ ngày 05/7/2023 đến ngày 05/3/2024. Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, phạm vi khởi kiện

Ông Nguyễn Thành L yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả tiền mua thức ăn tôm còn nợ nên đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân phú Đông theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng đân sự xét xử vụ án vắng mặt ông H và ông T. Bị đơn không có yêu cầu phản tố. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập.

[2] Về nội dung khởi kiện

[2.1] Tại phiên Tòa, bà P yêu cầu ông H trả cho ông L tiền mua thức ăn tôm còn nợ đến ngày 06/7/2023 là 169.204.000 đồng theo sổ giao hàng (bl: 19). Ông H thống nhất có mua thức ăn tôm của ông L còn nợ 169.204.000 đồng (bl: 37). Ông H cho rằng do ông L không bán thức ăn tôm đến cuối vụ nên ông H phải bán tôm khi chưa đến ngày thu hoạch. Do ông H bán tôm khi còn nhỏ nên bị thua lỗ nên không đồng ý trả tiền cho ông Long. Xét thấy, các bên thỏa thuận khi mua bán là trả tiền khi nhận hàng hoặc cho nợ lại đến cuối vụ tôm. Ông H thừa nhận có nhận đủ số lượng thức ăn tôm theo sổ giao hàng của ông L nên nghĩa vụ giao hàng của ông L đã thực hiện xong. Ông H nhận đủ số lượng thức ăn đã mua nhưng không trả tiền cho ông L theo thời gian đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Ngoài ra, ông H khai nại cho rằng do ông L không bán thức ăn tôm đến cuối vụ tôm nên ông H không trả tiền cho ông L nhưng ông H không có chứng cứ chứng minh giữa ông H và ông L có thỏa thuận *nếu không bán thức ăn tôm đến cuối vụ thì không phải trả tiền*. Do đó, buộc ông H có nghĩa vụ trả cho ông L số tiền mua thức ăn tôm còn nợ là 169.204.000 đồng.

[2.2] Tại phiên tòa, bà P yêu cầu ông H trả cho ông L tiền lãi do chậm thực hiện việc trả nợ với theo lãi suất 0,83%/tháng. Thời gian trả lãi từ ngày 06/7/2023 đến ngày 06/3/2024 là 08 tháng. Xét thấy, các đương sự trình bày thống nhất khi mua bán hai bên thỏa thuận không thời gian trả tiền mua thức ăn tôm là ngay khi nhận hàng hoặc cho nợ đến khi thu hoạch mỗi vụ tôm. Mỗi vụ tôm từ 3 tháng đến 4 tháng, ông H cho rằng đã bán tôm nhưng đến nay chưa trả tiền cho ông L là không trả tiền đúng thời gian đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Nay ông L

yêu cầu ông H trả tiền lãi do chậm trả tiền là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Mức lãi suất bà P yêu cầu ông H trả cho ông L là 0,83%/tháng, là phù hợp với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, chấp nhận yêu cầu trả tiền lãi của ông L. Buộc H có nghĩa vụ trả cho ông L tiền lãi của số tiền 169.204.000 đồng, từ ngày 06/7/2023 đến ngày 06/3/2024 (08 tháng), thành tiền lãi là 11.235.145 đồng.

[2.3]Xét về thời gian trả: Tại phiên tòa, bà P yêu cầu ông H trả cho ông L tiền nợ và tiền lãi tổng cộng 180.439.145 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, các đương sự trình bày thống nhất, khi mua bán có thỏa thuận thời gian trả tiền khi nhận hàng hoặc cho nợ lại đến khi thu hoạch vụ tôm. Mặt khác, ông L và ông H đã ngưng việc mua bán từ ngày 06/7/2023 đến nay. Ông L nhiều lần yêu cầu ông H trả tiền nhưng ông H không trả là làm thiệt thòi cho quyền lợi của ông L. Do đó, buộc ông H có nghĩa vụ trả cho ông L số tiền nợ và tiền lãi tổng cộng là 180.439.145 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Ý kiến phân tích và đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[5] Ông H có nghĩa vụ trả tiền nên phải nộp án phí theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, ông H được miễn nộp tiến án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Ông L và ông T không phải nộp án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều luật áp dụng:

- Khoản 2 Điều 357, Điều 430; Điều 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 5 và khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành L.
- Buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thành L số tiền tổng cộng là 180.439.145 (*một trăm tám mươi triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn một trăm bốn mươi lăm*) đồng. Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Đến hạn trả tiền, nếu Nguyễn Văn H không thực hiện việc trả tiền theo thời gian trên thì hàng tháng phải trả thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Ông Nguyễn Văn H được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Nguyễn Thành L, ông Nguyễn Thanh T không nộp án phí dân sự sơ thẩm (ông Nguyễn Thành Long được miễn nộp tiền tạm ứng án phí).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án, nguyên đơn (hoặc đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn), có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND H. Tân Phú Đông;
- THA DS H. Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI

Nơi nhận:
- VKSND H. Tân Phú Đông;
- THA DS H. Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI